

Bản án số: **08/2026/DS-ST**

Ngày: 20 - 01 - 2026

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - CẦN THƠ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Việt.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Hoàng Bảy.

Ông Nguyễn Văn Sơn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thanh Trinh - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 10 - Cần Thơ.

Ngày 20 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 10 - Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 399/2025/TLST-DS ngày 24 tháng 12 năm 2025 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2026/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 01 năm 2026, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà T. Địa chỉ: Ấp A, xã B, thành phố Cần Thơ. (có mặt)

2. *Bị đơn:*

2.1. Bà G. Địa chỉ: Ấp A1, xã B, thành phố Cần Thơ. (vắng mặt, có đề nghị xét xử vắng mặt)

2.2. Bà H. Địa chỉ: Ấp A1, xã B, thành phố Cần Thơ. (vắng mặt, có đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 15/10/2025 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà T trình bày:* Vào ngày 25/6/2016, bà T có cho bà G và bà H vay số tiền là 40.000.000 đồng, mỗi tháng bà G thỏa thuận sẽ trả lãi cho bà T là 2.000.000 đồng, nhưng sau khi vay tiền thì bà G cố tình né tránh không trả lãi cho bà T đúng như hợp đồng và cũng không muốn hoàn trả lại số tiền vốn là 40.000.000 đồng đã vay của bà T. Hiện bà T già yếu, không có thu nhập ổn định để trang trải cuộc sống nhưng từ khi bà G vay tiền của bà T thì không thực hiện đúng như hợp đồng làm cho cuộc sống của bà T gặp nhiều khó khăn. Bà T đã nhờ chính quyền địa phương hòa giải nhưng bà G chỉ hứa cho qua chứ không thực hiện đúng như cam kết.

Tại đơn khởi kiện đề ngày 15/10/2025, bà T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà G và bà H cùng có nghĩa vụ trả cho bà T số tiền vay mượn là 40.000.000 đồng

cùng tiền lãi phát sinh tính từ ngày 25/6/2016 đến ngày xét xử vụ án theo mức lãi suất do pháp luật quy định.

Tại phiên hòa giải ngày 13/01/2026 và tại phiên tòa sơ thẩm, bà T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà G và bà H cùng có nghĩa vụ trả cho bà T số tiền vay mượn là 40.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Về việc bà G và bà H xin trả dần số tiền vốn vay còn nợ là 40.000.000 đồng cho bà T với mức 1.000.000 đồng/tháng thì bà T không đồng ý, bà T yêu cầu bà G và bà H trả số tiền vốn vay còn nợ là 40.000.000 đồng cho bà T trong một lần. Nếu hai bên không thỏa thuận được về phương thức trả nợ thì bà T đề nghị Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

** Theo các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà G trình bày:* Mẹ của bà G có họ và tên là H1, chứ không phải là H. Tờ hỏi nợ do bà T cung cấp là đúng nội dung thỏa thuận giữa các bên, các chữ ký trong đó đúng là của bà G và bà H. Qua yêu cầu khởi kiện và lời trình bày của bà T nêu trên thì bà G cũng thừa nhận hiện nay bà G và bà H còn nợ bà T số tiền vốn vay là 40.000.000 đồng.

Bà G cũng đồng ý cùng với bà H trả số tiền vốn vay còn nợ là 40.000.000 đồng cho bà T, nhưng do bà G và bà H đang gặp nhiều khó khăn về kinh tế nên xin trả dần số tiền vốn vay còn nợ là 40.000.000 đồng cho bà T với mức 1.000.000 đồng/tháng; việc bà T yêu cầu bà G và bà H trả số tiền vốn vay còn nợ là 40.000.000 đồng cho bà T trong một lần thì bà G không đồng ý do hiện nay bà G và bà H không có khả năng. Nếu hai bên không thỏa thuận được về phương thức trả nợ thì bà G đề nghị Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật. Đồng thời, bà G xin được vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm.

** Theo các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà H trình bày:* Bà H thống nhất theo lời trình bày của bà G và cũng đồng ý cùng với bà G trả số tiền vốn vay còn nợ là 40.000.000 đồng cho bà T, nhưng do bà H và bà G đang gặp nhiều khó khăn về kinh tế nên xin trả dần số tiền vốn vay còn nợ là 40.000.000 đồng cho bà T với mức 1.000.000 đồng/tháng; việc bà T yêu cầu bà H và bà G trả số tiền vốn vay còn nợ là 40.000.000 đồng cho bà T trong một lần thì bà H không đồng ý do hiện nay bà H và bà G không có khả năng. Đồng thời, bà H xin được vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà T vẫn giữ nguyên nội dung yêu cầu khởi kiện đã được thay đổi tại phiên hòa giải ngày 13/01/2026 và tại phiên tòa sơ thẩm như đã nêu trên; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Theo nội dung yêu cầu khởi kiện, bà T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà G và bà H cùng có nghĩa vụ trả cho bà T số tiền vay mượn là 40.000.000 đồng cùng tiền lãi phát sinh tính từ ngày 25/6/2016 đến ngày xét xử vụ án theo mức lãi suất do pháp luật quy định; Tòa án nhân dân khu vực 10 - Cần Thơ thụ lý vụ án, xác định

quan hệ pháp luật tranh chấp hợp đồng vay tài sản là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân khu vực 10 - Cần Thơ không có tiến hành thu thập chứng cứ và vụ án không thuộc các trường hợp khác theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nên Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Cần Thơ không tham gia phiên tòa sơ thẩm.

[3] Bà G và bà H là bị đơn, có địa chỉ cư trú tại ấp A1, xã B, thành phố Cần Thơ; Tòa án nhân dân khu vực 10 - Cần Thơ thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15, ngày 27/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực.

[4] Tại phiên tòa sơ thẩm, bà G và bà H vắng mặt, có đề nghị xét xử vắng mặt, việc vắng mặt cũng không ảnh hưởng đến việc xét xử; Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vụ án.

[5] Tại đơn khởi kiện đề ngày 15/10/2025, bà T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà G và bà H cùng có nghĩa vụ trả cho bà T số tiền vay mượn là 40.000.000 đồng cùng tiền lãi phát sinh tính từ ngày 25/6/2016 đến ngày xét xử vụ án theo mức lãi suất do pháp luật quy định. Tuy nhiên, tại phiên hòa giải ngày 13/01/2026 và tại phiên tòa sơ thẩm, bà T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà G và bà H cùng có nghĩa vụ trả cho bà T số tiền vay mượn là 40.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Xét thấy, việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của bà T không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu và phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về nội dung vụ án: Quá trình giải quyết vụ án, bà T, bà G và bà H thống nhất thừa nhận hiện nay bà G và bà H còn nợ bà T số tiền vốn vay là 40.000.000 đồng; bà G và bà H cũng đồng ý trả cho bà T toàn bộ số tiền này, chỉ xin được trả dần. Sự thừa nhận này của bà T, bà G và bà H là tình tiết, sự kiện mà các bên không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Từ đó, Hội đồng xét xử xác định việc bà G và bà H nợ bà T số tiền vốn vay là 40.000.000 đồng là sự thật, cho đến nay bà G và bà H chưa trả số tiền này cho bà T là vi phạm thỏa thuận về vay tài sản đã được xác lập giữa các bên, vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo quy định tại Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015. Do đó, việc bà T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà G và bà H cùng có nghĩa vụ trả cho bà T số tiền vốn vay là 40.000.000 đồng là có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Bà G và bà H xin trả dần số tiền còn nợ là 40.000.000 đồng cho bà T với mức 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi dứt nợ thì bà T không đồng ý; bà T yêu cầu bà G và bà H trả số tiền còn nợ là 40.000.000 đồng cho bà T trong một lần thì bà G và bà H không đồng ý. Từ đó, Hội đồng xét xử không có cơ sở để xem xét, vì việc trả số tiền còn nợ theo phương thức nào (một lần, nhiều lần hay hàng tháng, hàng quý...) với số tiền phải trả từng lần là bao nhiêu thuộc thẩm quyền của cơ quan thi

hành án; sau khi bản án có hiệu lực pháp luật và chuyển sang giai đoạn thi hành án, các đương sự có quyền tự thỏa thuận với nhau về phương thức trả số tiền còn nợ tại cơ quan thi hành án.

[8] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử quyết định chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T, giải quyết buộc bà G và bà H phải cùng có nghĩa vụ trả cho bà T số tiền vay mượn còn nợ là 40.000.000 đồng.

[9] Về án phí sơ thẩm: Bà T không phải chịu án phí sơ thẩm; bà G và bà H phải cùng chịu án phí sơ thẩm là 40.000.000 đồng x 5% = 2.000.000 đồng tương ứng trên số tiền vay mượn còn nợ bị Tòa án buộc trả cho bà T, nhưng do bà H là người cao tuổi và có đơn xin miễn nộp án phí sơ thẩm nên bà H được miễn nộp $\frac{1}{2}$ số tiền án phí sơ thẩm là 1.000.000 đồng, còn bà G vẫn phải chịu $\frac{1}{2}$ số tiền án phí sơ thẩm còn lại là 1.000.000 đồng theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, điểm d khoản 1 Điều 12, Điều 15, điểm b khoản 1, khoản 3 Điều 24, khoản 1, khoản 2, khoản 9 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, Điều 147, Điều 227, Điều 228, khoản 1 Điều 244, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15, ngày 27/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực.

Căn cứ vào các Điều 280, 288, 357, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; điểm d khoản 1 Điều 12, Điều 15, điểm b khoản 1, khoản 3 Điều 24, khoản 1, khoản 2, khoản 9 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T về việc yêu cầu bà G và bà H trả số tiền vay mượn còn nợ.

Buộc bà G và bà H phải cùng có nghĩa vụ trả cho bà T số tiền vay mượn còn nợ là 40.000.000 đồng (*Bốn mươi triệu đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bà T đối với số tiền phải trả nêu trên cho đến khi thi hành xong, hàng tháng bà G và bà H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Về án phí sơ thẩm:

- Bà T không phải chịu án phí sơ thẩm.
- Bà H được miễn nộp toàn bộ án phí sơ thẩm.

- Bà G phải chịu án phí sơ thẩm với số tiền là 1.000.000 đồng (*Một triệu đồng*).

3. Về quyền kháng cáo: Bà T có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (*Mười lăm*) ngày, kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử lại vụ án theo trình tự phúc thẩm. Riêng bà G và bà H vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo nêu trên được tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự (03);
- VKSND KV10-CT (01);
- THADS TPCT (01);
- TAND TPCT (01);
- Lưu HSVA, Văn phòng (02).

Nguyễn Quốc Việt